

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/DS-PT
Ngày 04 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 361/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2022/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2023/QĐPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương NĐ, sinh năm 1972;

Ông Nguyễn NĐ2, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Số 677/1, ấp C, xã P, huyện C, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan H, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Số 351F, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn BĐ1, sinh năm 1981 (có mặt);

Bà Phan BĐ2, sinh năm 1985 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn LS - Luật sư của Văn phòng luật sư LS thuộc Đoàn luật sư thành phố H (có mặt);

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan H trình bày:

Vào ngày 30/6/2020 (tháng 5/2020 âm lịch), bà Trương NĐ, ông Nguyễn NĐ2 có cho vợ chồng ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, lãi suất 06%/tháng, tương đương tiền lãi 18.000.000 đồng/tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn vay là 01 năm, tức là đến tháng 5/2021 ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 phải trả đủ tiền gốc cho ông Nguyễn NĐ2, bà Trương NĐ. Ông Nguyễn NĐ2, bà Trương NĐ giao tiền vay cho ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 tại nhà của bà Trương NĐ và hai bên có làm biên nhận, ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 có ký tên nhận đủ tiền. Ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 vay tiền là để làm kinh tế gia đình. Sau khi vay tiền, ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 chỉ trả được tiền lãi của tháng 7/2020 (nhằm tháng 6/2020 âm lịch) là 18.000.000 đồng nhưng bằng hình thức là cán trừ số tiền bà Trương NĐ thuê ông Nguyễn BĐ1 làm cửa sắt cho bà. Sau đó, từ tháng 8/2020 đến nay thì ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 không đóng lãi cho ông Nguyễn NĐ2, bà Trương NĐ theo thỏa thuận, mặc dù lúc này bà Trương NĐ đã giảm lãi xuống còn 9.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 5/2021, thì ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 cũng không trả tiền gốc cho ông Nguyễn NĐ2, bà Trương NĐ.

Ngoài ra, vào tháng 01/2021 ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 có vay thêm của ông Nguyễn NĐ2, bà Trương NĐ số tiền 36.000.000 đồng, vì là chỗ quen biết nên ông Nguyễn NĐ2, bà Trương NĐ cho ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 vay mà không có làm biên nhận, thời hạn vay là 01 tháng, không có lãi suất.

Do ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông Nguyễn NĐ2, bà Trương NĐ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn NĐ2, bà Trương NĐ tổng số tiền là 300.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 1,67%/tháng của số tiền 300.000.000 đồng, tính từ ngày 01/7/2020 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án (tạm tính từ ngày 01/7/2020 đến ngày 17/9/2022) là 26 tháng 17 ngày là 133.099.000 đồng, nhưng trừ đi số tiền 18.000.000 đồng mà nguyên đơn đã nhận, nên yêu cầu tiền lãi còn thiếu là 115.099.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn NĐ2, bà Trương NĐ xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 36.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì nguyên đơn không đồng ý do lời trình bày của bị đơn không nhất quán trước sau mâu thuẫn, bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, những giấy tờ bị đơn cung cấp không thể hiện được nội dung cụ thể, không hiểu nội dung bị đơn muốn chứng minh là gì. Hơn nữa, bị đơn cho rằng trả tiền dư mà lại dư mấy trăm triệu, lại không biết tiền mình trả là tiền gốc hay lãi là vô lý.

Tại đơn yêu cầu phản tố và đơn yêu cầu phản tố bổ sung ngày 01/7/2022, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Y trình bày:

Vào năm 2017 ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 có thuê nhà của bà Trương NĐ và ông Nguyễn NĐ2 để làm nghề cửa sắt và nhôm. Đầu năm 2018 ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 cần tiền để mua nguyên liệu nên có vay tiền của bà Trương NĐ, ông Nguyễn NĐ2, mỗi lần vay là 10.000.000 đồng hoặc 20.000.000 đồng. Ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 vay tiền như vậy nhiều lần mà không nhớ được chính xác bao nhiêu lần vay, nhưng ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 xác định tổng cộng các lần vay là 130.000.000 đồng gốc, không có thỏa thuận thời gian trả tiền gốc cụ thể, khi nào có thì cứ trả dần dần, lãi 6%/tháng.

Ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 đóng lãi và cũng trả gốc dần dần đủ hết, cho đến thời gian sau này do dịch Covid-19 nên làm ăn khó khăn nên còn thiếu lại một trăm mấy chục triệu tiền lãi không đóng được cho bà Trương NĐ.

Vì vậy, vào tháng 5/2020 bà Trương NĐ yêu cầu ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 ký giấy nợ số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, trong 300.000.000 đồng này là một trăm mấy chục triệu tiền lãi rồi tiền lãi của tiền lãi phát sinh là 300.000.000 đồng. Chữ ký của người mượn trong “giấy mượn tiền” do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là đúng do ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 ký. Việc ký tên này là do ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 còn thiếu tiền lãi nên mới ký, chứ bà Phan BĐ2 không có vay 300.000.000 đồng tiền gốc của bà Trương NĐ.

Đến ngày 19/11/2021 ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 trả nhà lại cho bà Trương NĐ, ông Nguyễn NĐ2. Trước khi ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 đi nơi khác, ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 đã thanh toán cho bà Trương NĐ, ông Nguyễn NĐ2 tất cả các khoản tiền gốc và tiền lãi, nhưng khi ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 đòi lại giấy nợ thì bà Trương NĐ, ông Nguyễn NĐ2 không chịu trả.

Ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 đã trả cho bà Trương NĐ đủ tiền số tiền gốc 130.000.000 đồng vào các ngày như sau:

Ngày 26/02/2019 trả 100.000.000 đồng tiền gốc, bà Trương NĐ tự viết chữ vào sổ cho bị đơn.

Ngày 22/09/2019 trả 106.000.000 đồng, trong đó trả gốc 30.000.000 đồng và trả lãi 76.000.000 đồng, bà Trương NĐ tự viết chữ vào sổ cho bị đơn.

Ngày 22/09/2019 bà Phan BĐ2 trả thêm cho bà Trương NĐ 100.000.000 đồng, nên tổng cộng đã trả 306.000.000 đồng, bà Trương NĐ tự viết chữ vào sổ cho bị đơn.

Như vậy, trong năm 2019 bà Phan BĐ2 đã trả cho bà Trương NĐ 130.000.000 đồng gốc và tiền lãi 176.000.000 đồng. Do trong thời gian vay tiền bà Phan BĐ2 không trả lãi đúng hạn hàng tháng nên lãi cứ phát sinh cho đến:

Ngày 09/01/2020 trả 100.000.000 đồng, bà Trương ND tự viết chữ vào sổ cho bị đơn.

Ngày 11/3/2020 trả 70.000.000 đồng, bà Trương ND tự viết chữ vào sổ cho bị đơn.

Ngày 20/9/2020 trả 61.973.000 đồng là tiền bà Trương ND trừ vào tiền ông Nguyễn BD1 làm cửa cho bà Trương ND.

Đây là tiền lãi mà bà Trương ND yêu cầu bà Phan BD2 phải trả.

Khi dịch Covid bùng phát năm 2020 bà Trương ND tự ý căn cứ vào “giấy mượn tiền” mà năm 2020 bà Phan BD2 đã ký tên để tính tiền lãi cho ông Nguyễn BD1, bà Phan BD2 còn thiếu là 139.000.000 đồng, nhưng không biết cách tính tiền như thế nào. Do ông Nguyễn BD1, bà Phan BD2 không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà Trương ND nên bà mới lấy giấy mượn tiền có chữ ký của ông Nguyễn BD1, bà Phan BD2 để khởi kiện.

Như đã trình bày trên vào ngày 22/9/2019 bà Trương ND xác nhận ông Nguyễn BD1, bà Phan BD2 đã trả đủ tổng cộng 300.000.000 đồng cho bà Trương ND. Như vậy trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020, ông Nguyễn BD1, bà Phan BD2 đã trả tiền nhiều lần cho ông Nguyễn ND2, bà Trương ND với số tiền tổng cộng 1.116.973.000 đồng, trừ đi 300.000.000 đồng theo giấy mượn tiền mà ông Nguyễn BD1, bà Phan BD2 ký tên thì ông Nguyễn ND2, bà Trương ND đã nhận dư của ông Nguyễn BD1, bà Phan BD2 số tiền 861.973.000 đồng.

Do đó, phía ông Nguyễn BD1 và bà Phan BD2 yêu cầu ông Nguyễn ND2 và bà Trương ND có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà tổng số tiền mà ông bà đã trả dư cho ông Nguyễn ND2, bà Trương ND là 861.973.000 đồng (Tám trăm sáu mươi một triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả tiền gốc và lãi thì là bị đơn không đồng ý.

Đối với số tiền 55.270.000 đồng và 76.360.000 đồng thì bà Phan BD2 xác định không có yêu cầu gì liên quan hay trình bày gì liên quan trong vụ án này nữa.

Do hòa giải không Nguyễn ND2, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2022/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn NĐ2 và bà Trương NĐ đối với ông Nguyễn BĐ1 và bà Phan BĐ2 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Cụ thể:

Buộc ông Nguyễn BĐ1 và bà Phan BĐ2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn NĐ2 và bà Trương NĐ tổng số tiền là 415.099.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu chín mươi chín nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 115.099.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn NĐ2 và bà Trương NĐ đối với ông Nguyễn BĐ1 và bà Phan BĐ2 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 36.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn BĐ1 và bà Phan BĐ2 đối với ông Nguyễn NĐ2 và bà Trương NĐ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với số tiền 861.973.000 đồng. Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/9/2022, bị đơn ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn yêu cầu cho trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Trương NĐ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày hợp đồng vay các bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi nên nguyên đơn muốn yêu cầu trả lại thì phải thông báo trước một thời gian hợp lý trước khi khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Triệu thừa nhận trước khi khởi kiện thì nguyên đơn có đòi tiền bị đơn. Mặt khác, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với việc tại phần tranh tụng của phiên tòa bị đơn đề nghị Tòa án triệu tập chị Võ HN là con dâu của bà Trương ND, ông Nguyễn ND2 (nguyên đơn) tham gia phiên tòa với tư cách người làm chứng. Hội đồng xét xử xét thấy tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng hỏi bị đơn nhưng bị đơn không có yêu cầu Hội đồng xét xử triệu tập thêm người khác tham gia phiên tòa nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Mặt khác, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải triệu tập chị Võ HN tham gia phiên tòa với tư cách người làm chứng.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào “Giấy mượn tiền” do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn BD1, bà Phan BD2 (người mượn) có nội dung thể hiện: Ông Nguyễn BD1, bà Phan BD2 có mượn của ông Nguyễn ND2, bà Trương ND số tiền 300.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết Nguyễn BD1, Phan BD2 (Bên mượn) là của bị đơn ký và viết tên. Xét đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn cho rằng do còn thiếu tiền lãi của nguyên đơn nên mới bị ép buộc ký tên vào “giấy mượn tiền” nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Và do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả lãi từ tháng 7/2020 nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi của số tiền trên từ ngày 01/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/9/2022 số tiền lãi là 133.099.000 đồng, nhưng do bị đơn đã trả được 18.000.000 đồng tiền lãi nên yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi còn thiếu là 115.099.000 đồng là phù hợp.

Như vậy, ông BD1, bà BD2 phải có nghĩa vụ trả cho ông ND, bà ND2 tổng số tiền là 415.099.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 133.099.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền mà bị đơn đã trả dư là 861.973.000 đồng, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố là 03 bản (không có tiêu đề, không ngày tháng năm) có ghi những con số.

Xét thấy, các chứng cứ bị đơn giao nộp không ghi ngày tháng năm, các con số ghi không thể hiện được nội dung cụ thể, cũng như không có chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn ND2 hay bà Trương ND xác nhận cụ thể nội dung gì của các chứng cứ này. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn liên tục thay đổi lời khai trước và sau mâu thuẫn với nhau. Bị đơn cho rằng, đầu năm 2018

vay tiền nhiều lần tổng cộng 130.000.000 đồng, sau đó trong thời gian từ ngày 26/02/2019 đến ngày 20/9/2020 bị đơn đã trả tiền cho ông Nguyễn NĐ2, bà Trương NĐ nhiều lần tổng cộng là 1.116.973.000 đồng, trong đó trả số tiền 300.000.000 đồng theo “giấy mượn tiền” bị đơn đã ký tên thì bị đơn đã trả dư cho ông Nguyễn NĐ2, bà Trương NĐ là 861.973.000 đồng, tuy nhiên các lần trả tiền, cụ thể số tiền trả, thời gian trả tiền thì bị đơn không xác định được, cũng như bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày này nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết của bà Trương NĐ trong các chứng cứ mà phía bị đơn đã nộp kèm theo yêu cầu phản tố, xét thấy, các tài liệu chứng cứ để giám định không thể hiện rõ ngày tháng năm, các con số ghi không thể hiện được nội dung cụ thể, cũng như không có chữ viết, chữ ký của bà Trương NĐ xác nhận cụ thể nội dung gì của các tài liệu đó nên việc giám định chữ viết có kết quả cũng không có cơ sở làm căn cứ để chứng minh cho yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, yêu cầu phản tố của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Triều, bà Rót phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2022/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn NĐ2 và bà Trương NĐ đối với ông Nguyễn BĐ1 và bà Phan BĐ2 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn BĐ1 và bà Phan BĐ2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn NĐ2 và bà Trương NĐ tổng số tiền là 415.099.000 (bốn trăm mười lăm triệu chín mươi chín nghìn) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, tiền lãi là 115.099.000 (một trăm mười lăm triệu chín mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn NĐ2 và bà Trương NĐ đối với ông Nguyễn BĐ1 và bà Phan BĐ2 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 36.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn BĐ1 và bà Phan BĐ2 đối với ông Nguyễn NĐ2 và bà Trương NĐ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với số tiền 861.973.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn NĐ2 và bà Trương NĐ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.400.000 (tám triệu bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006792 ngày 17/3/2022 và 3.006.000 đồng theo biên lai thu số 0008357 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn BĐ1 và bà Phan BĐ2 phải liên đới chịu án phí là 50.312.000 đồng nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.799.000 đồng theo biên lai thu số 0008360 ngày 25/7/2022 và 13.131.000 đồng theo biên lai thu số 0008422 ngày 16/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn BĐ1, bà Phan BĐ2 phải nộp tiếp số tiền là 31.382.000 (ba mươi một triệu ba trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn BĐ1 và bà Phan BĐ2 phải chịu án phí là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 (ba trăm nghìn) đồng theo các biên lai thu số 0008452 ngày 10/10/2022 và số 0008483 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng